|  |  |
| --- | --- |
| **HÔI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG NINH**  Số: /2020/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2020* |

**NGHỊ QUYẾT**

**DỰ THẢO**

**Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**

**trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

**KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật giáo dục năm 2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá năm 2012;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập, từ năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../11/2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là học sinh, viết tắt là HS) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh;

b) Không áp dụng đối với học sinh của các cơ sở giáo dục công lập tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên.

**Điều 2.** Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và mức thu tối đa mỗi khoản thu như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khoản thu | Đơn vị tính | Mức thu  tối đa |
| *Dịch vụ phục vụ:* |  |  |
| 1. Tổ chức bán trú tại trường |  |  |
| a) Thuê người nấu ăn | đồng/HS/tháng | 110.000 |
| b) Quản lý học sinh (mầm non, tiểu học) | đồng/HS/tháng | 140.000 |
| c) Tiền ăn | đồng/HS/tháng | 660.000 |
| d) Mua sắm vật dụng phục vụ | đồng/HS/năm | Theo thực tế |
| 2. Nước uống |  |  |
| a) Học 01 buổi/ngày | đồng/HS/tháng | 10.000 |
| b) Học 02 buổi/ngày | đồng/HS/tháng | 15.000 |
| 3. Giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ |  |  |
| a) Đón sớm, trả muộn | đồng/trẻ/tháng | 280.000 |
| b) Ngày thứ Bảy | đồng/trẻ/ngày | 60.000 |
| c) Trong thời gian nghỉ hè | đồng/trẻ/tuần | 300.000 |
| 4. Học thêm |  |  |
| a) Các môn văn hóa (trung học, thường xuyên) | đồng/HS/giờ dạy | 10.000 |
| b) Hoạt động khác sau giờ học chính thức | đồng/HS/giờ dạy | 15.000 |
| c) Tin học (tự chọn) | đồng/HS/giờ dạy | 12.000 |
| d) Ngoại ngữ (tự chọn) | đồng/HS/giờ dạy | 10.000 |
| đ) Học ngoại ngữ có người nước ngoài dạy | đồng/HS/giờ dạy | 30.000 |
| 5. Thuê phương tiện đưa đón học sinh | đồng/HS/tháng | Theo thỏa thuận |
| 6. Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học | đồng/HS/tháng | Theo thực tế |
| *Dịch vụ hỗ trợ:* |  |  |
| 7. Trông giữ phương tiện tham gia giao thông |  |  |
| a) Xe đạp | đồng/xe/tháng | 30.000 |
| b) Xe đạp điện, xe máy điện | đồng/xe/tháng | 50.000 |
| 8. Vệ sinh chung ngoài lớp học | đồng/HS/tháng | 15.000 |
| 9. Hoạt động trải nghiệm | đồng/HS/năm | Theo Kế hoạch được phê duyệt |

**Điều 3.** Quy định thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục như sau:

1. Đối với việc xác định khoản thu

a) Khoản thu phải phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi cơ sở giáo dục, xuất phát từ nhu cầu tự nguyện của đa số cha mẹ học sinh, vì quyền lợi của học sinh và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục trong nhà trường;

b) Căn cứ danh mục các khoản thu quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, cơ sở giáo dục đề xuất khoản thu cho từng năm học.

2. Đối với việc xác định mức thu

a) Mức thu của mỗi khoản thu phải được xác định trên cơ sở dự toán chi được thỏa thuận, thống nhất của đa số cha mẹ học sinh, đảm bảo chi đúng mục đích, thu đủ chi; mức thu phải phù hợp với thu nhập của người dân trên địa bàn;

b) Cơ sở giáo dục đề xuất và thỏa thuận với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể của mỗi khoản thu nhưng không được vượt quá mức thu tối đa quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

3. Đối với việc tổ chức thu, chi

a) Cơ sở giáo dục thực hiện thu sau khi được cơ quan quản lý trực tiếp phê duyệt khoản thu, mức thu và thông báo công khai; thời điểm thu, số lần thu phải căn cứ vào nhu cầu chi và phù hợp với khả năng đóng góp của cha mẹ học sinh;

b) Vào cuối học kỳ, cuối năm học, cơ sở giáo dục tổng hợp kết quả thu và quyết toán chi từng khoản thu, thông báo công khai theo quy định và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp.

**Điều 4.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày .../12/2020 và có hiệu lực kể từ ngày .../12/2020./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTV Quốc hội, Chính phủ (báo cáo);  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;  - TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;  - Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy;  - UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;  - Các sở ban ngành của tỉnh;  - VP HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;  - TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;  - Lưu: VT, VX3. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Xuân Ký** |